

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó Giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Công nghệ Thực phẩm; Chuyên ngành: Công nghệ lên men

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phạm Tuấn Anh

2. Ngày tháng năm sinh: 16/07/1981 ; Nam Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Trục Thanh, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phòng E1.29.4, chung cư the emerald, ct8, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): C4-201, Đại học Bách Khoa Hà Nội, số 1 đường Đại Cồ Việt, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0918 674 681;

E-mail: anh.phamtuan2@hust.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

10/2004 – 10/2005: Giảng viên tập sự tại Viện Công nghệ Sinh học – Công nghệ Thực phẩm, trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

10/2005-7/2006: Học thạc sỹ tại Trường Đại học Dijon- Pháp

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
8/2006-12/2007: Giảng viên tại Viện Công nghệ Sinh học – Công nghệ Thực phẩm, trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

12/2007-11/2010: Học tiến sỹ dạng phối hợp giữa trường Đại học Bách Khoa Hà Nội và trường Đại học Aix-Marseille 1

12/2010- đến nay: Giảng viên tại Bộ môn Vi sinh – Hoá sinh – Sinh học Phân tử, Viện Công nghệ Sinh học – Công nghệ Thực phẩm, trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

2/2014- 12/2015: Phó trưởng Bộ môn, Bộ môn Vi sinh – Hoá sinh – Sinh học Phân tử, Viện Công nghệ Sinh học – Công nghệ Thực phẩm, trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

1/2016-nay: Trưởng Bộ môn Vi sinh – Hoá sinh – Sinh học Phân tử, Viện Công nghệ Sinh học – Công nghệ Thực phẩm, Đại học Bách Khoa Hà Nội;

Chức vụ Hiện nay: Trưởng Bộ môn Vi sinh – Hoá sinh – Sinh học Phân tử, Viện Công nghệ Sinh học – Công nghệ Thực phẩm, Đại học Bách Khoa Hà Nội;

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn Vi sinh – Hoá sinh – Sinh học Phân tử

Cơ quan công tác hiện nay: Đại học Bách Khoa Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: số 1 đường Đại Cồ Việt, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 3869 2136

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 06 năm 2004; số văn bằng: B 548915; ngành: Công nghệ thực phẩm, chuyên ngành: Công nghệ lên men; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 15 tháng 03 năm 2007 ; số văn bằng: DIJON 6663900/2007200510046; ngành: Chất lượng Thực phẩm; chuyên ngành: Khoa học Thực phẩm; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Dijon, Pháp.

- Được cấp bằng TS ngày 03 tháng 06 năm 2011; số văn bằng: AIMAI 7179593/2011200906475; ngành: Vi sinh vật, thực vật, công nghệ sinh học; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Aix-Marseille 1, Pháp

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Đại học Bách Khoa Hà Nội, Hội đồng đồng II: Vật lý, Luyện kim, Hoá học, Sinh học và Thực phẩm.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Hoá học – Công nghệ Thực phẩm.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Công nghệ lên men vi sinh vật
- Công nghệ sinh khối (biorefinery)

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 07 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 4 đề tài (01 cấp cơ sở; 01 cấp Bộ, 02 cấp nhà nước);
- Đã công bố (số lượng) 41 bài báo khoa học, trong đó 8 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 02 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 02, trong đó 02 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: không

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học: 2018-2019; 2020-2021; 2021-2022.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong hơn 12 năm qua, tôi đã tham gia giảng dạy và nghiên cứu tại Viện Công nghệ Sinh học – Công nghệ Thực phẩm, Đại học Bách Khoa Hà Nội:

- Tôi luôn chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; luôn giữ phẩm chất, đạo đức, lối sống tốt
- Luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu của nhà giáo được Đại học, Viện cũng như Bộ môn phân công

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 12 năm 6 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

1	2017-2018		1		5	479	12	491/414,5/270
2	2018-2019				5	507,78	66	573,75/525/270
3	2019-2020				7	564,4	78	641,4/540,9/270
03 năm học cuối								
4	2020-2021			1	3	458,25	172,5	630,75/492/270
5	2021-2022			2	2	415,8	276	691,8/555,9/280
6	2022-2023			2	3	490,95	192	682,95/540,9/280

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh, Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Pháp năm 2006 (bảo vệ ThS), 2010 (bảo vệ TS)

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Ngô Duy Sạ	x			x	2015-2017	Đại học Bách Khoa Hà Nội	8/2/2018; số hiệu D 000430; vào sổ cấp bằng TS2018/00447

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2	Nguyễn Thảo Anh		x	x		2021-2022	Đại học Bách Khoa Hà Nội	26/12/2022; số hiệu M 006062; vào sổ cấp bằng TH2022/0250
3	Nguyễn Thị Sang		x	x		2021-2022	Đại học Bách Khoa Hà Nội	26/12/2022; số hiệu M 006069; vào sổ cấp bằng TH2022/0257
4	Lê Thị Hoà		x	x		2020-2021	Đại học Bách Khoa Hà Nội	26/07/2021; số hiệu M 002796; vào sổ cấp bằng TH2021/0207
5	Phạm Thị Ly		x	x		2019-2020	Đại học Bách Khoa Hà Nội	28/12/2020; số hiệu M 002534; vào sổ cấp bằng TH2021/0436
6	Cao Xuân Bách		x	x		2015-2016	Đại học Bách Khoa Hà Nội	27/12/2016; số hiệu M 001876; vào sổ cấp bằng TH2016/1435
7	Phạm Thị Phúc		x	x		2014-2015	Đại học Bách Khoa Hà Nội	06/01/2016; số hiệu M 002880; vào sổ cấp bằng TH2016/0287
8	Nguyễn Khoa Đăng		x	x		2012-2013	Đại học Bách Khoa Hà Nội	28/03/2014; số hiệu M001226; vào sổ cấp bằng TH2014/0043

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Valorization of Agro-Industrial Byproducts; Chương 5: Adding Values to Agro-Industrial Byproducts for the Bioeconomy in Vietnam	TK	CRC Press, 2022; ISSN/ISBN 9781003125679	14	Tham gia	73-88	

2	Probiotics, Prebiotics and Synbiotics: Technological Advancements Towards Safety and Industrial Applications; Chương 2: Isolation, Identification and Characterization of Beneficial Microorganisms from Traditional Fermented Foods	TK	John Wiley & Sons Ltd., 2022, ISSN/ISBN 9781119702160	11	Tham gia	14-56
---	---	----	---	----	----------	-------

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: 02

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1					
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu công nghệ lên men sản xuất polysaccharopeptide PSK, PSP từ nấm Vân chi (<i>Trametes versicolor</i>) ứng dụng trong sản xuất thực phẩm chức năng; Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ	Chủ nhiệm đề tài	ĐT.05.19/CNSHCB; đề tài cấp nhà nước	01/2019-06/2021	Số 2927/QĐ-BCT ngày 24/12/2021; kết quả đạt

	sinh học trong công nghiệp chế biến đến năm 2020				
2	Nghiên cứu tuyển chọn chủng nấm men sinh tổng hợp lipid và beta-carotene định hướng ứng dụng trong sản xuất chăn nuôi Đề tài cấp Bộ GDĐT	Chủ nhiệm đề tài	B2019_BKA_05; đề tài cấp Bộ GD	01/2019-06/2022	540/QĐ-BGDĐT, ngày 21/02/2023' xếp loại đạt
3	Nghiên cứu công nghệ sản xuất nanocellulose từ bã sắn và ứng dụng trong công nghiệp thực phẩm, dược phẩm Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong công nghiệp chế biến đến năm 2020	Thư ký	ĐT.07.16/CNSHCB; đề tài cấp nhà nước	2016-2018	Số 738, ngày 28/3/2019, xếp loại đạt
4	Nghiên cứu tuyển chọn hệ enzyme cellulase ứng dụng trong sản xuất vi sợi cellulose từ bã mía đã qua xử lý;	Chủ nhiệm	T2015-034; đề tài cấp cơ sở	2015	Số 340/QĐ-ĐHBK-KHCN, ngày 24/11/2015, xếp loại đạt
5	Nghiên cứu công nghệ tiền xử lý bã mía thân thiện môi trường ứng dụng trong sản xuất ethanol	Chủ nhiệm	ĐT.05.13/NLSH; đề tài cấp nhà nước	2013-2015	Số 3839/QĐ-BCT, ngày 26/09/2016, xếp loại đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
----	------------------------	------------	------------------	---	---	--	----------------	--------------------

I								
Trước khi được công nhận TS								
1	Hydrolysis of softwood by <i>Aspergillus</i> mannanase: Role of a carbohydrate-binding module	5	x	Journal of Biotechnology, 0168-1656	ISI, Q2, IF 3.595	61	147, 4: 163-170.	2010
2	Phân lập và tuyển chọn các chủng vi khuẩn nitrat hoá để ứng dụng trong xử lý nước hồ ô nhiễm	3		Tạp chí Khoa học và Công nghệ, 0866 -708x			45, 3: 109-113	2007
II								
Sau khi được công nhận TS								
1	Nghiên cứu ảnh hưởng của nguyên liệu gạo, nấm men và enzyme đường hóa đến hiệu suất lên men trong quy trình sản xuất cồn không gia nhiệt ở nồng độ chất khô cao	5		Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, 1859-4581			454, 46-56	3/2023
2	Nghiên cứu công nghệ sản xuất nanoxelluloza tinh thể (NCC) từ bã rượu sắn theo phương pháp tẩy trắng bằng H ₂ O ₂	5	x	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, 1859-4581			Số đặc biệt, chất lượng an toàn thực phẩm vì sức khỏe cộng đồng, 225-233	6/2023
3	Improvement of Fibrinolytic Enzyme Production from <i>Bacillus</i> sp. ES4 by Response Surface Methodology and Exponential Fed-Batch Fermentation	4	x	International Journal of Current Microbiology and Applied Sciences: 2319-7706			12, 03, 151-162	2023
4	Enhancement of polysaccharide krestin production in <i>Trametes versicolor</i> by using microparticle enhanced cultivation and leds light colors	4	x	Hội thảo công nghệ sinh học toàn quốc 2022, 978-604-357-052-6			1268-1274	11/2022
5	Isolation and characterization of carotenoid producing yeast	3	x	Hội thảo công nghệ sinh học toàn quốc 2022, 978-604-357-052-6			1342-1346	11/2022
6	Enhanced production of fibrinolytic enzyme by <i>Bacillus</i> sp. isolated from Vietnamese traditional	4		International Journal of Current Microbiology and			11, 5, 67-80	5/2022

	fermented soybean (Tuong Ban) using ultraviolet irradiation and chemical mutation			Applied Sciences, : 2319-7706				
7	Protease increases ethanol yield and decreases fermentation time in no-cook process during very-high-gravity ethanol production from rice	7		Process Biochemistry, 1359-5133	ISI, Q2, IF 3.757	2	117, 10-18	3/2022
8	Valorization of Cassava bagasse using co-culture of <i>Aspergillus oryzae</i> VS1 and <i>Sporidiobolus pararoseus</i> O1 in solid-state fermentation	4	x	Waste and Biomass Valorization, 1877-2641	SCIE, Q2, IF 3.449 (2021)	2	13, 3003-3012	2022
9	Research and Development Prospects for Sugarcane Industry in Vietnam	18		Sugar Tech, 0972-1525	SCIE, Q2, IF 1.872 (2021)	2	24, 1330-1341	3/2022
10	Formic acid-based organosolv delignification of sugarcane bagasse for efficient enzymatic saccharification	3	x	Sugar Tech, 0972-1525	SCIE, Q2, IF 1.872 (2021)	3	24, 779-787	3/2022
11	Thu hồi polysaccharide-Krestin (PSK) từ sinh khối nấm Vân chi <i>Trametes versicolor</i> BRG04 của quá trình lên men chìm	5	x	Khoa học & Công nghệ - Tạp chí Công thương, 0866-7756			44, 44-47	5/2021
12	Factors enhancing the accumulation of beta-carotene in <i>Rhodotorula taiwanensis</i> ct1	4	x	Vietnam Journal of Science and Technology, 2525-1518			58(6A), 299-307	12/2020
13	Tối ưu hoá sinh tổng hợp polysaccharopeptides trong quá trình lên men chìm của nấm Vân chi <i>Trametes versicolor</i>	4	x	Khoa học & Công nghệ - Tạp chí Công thương, 0866-7756			42, 31-35	6/2020
14	Nghiên cứu thủy phân phế liệu gỗ keo tai tượng tạo đường xylose để nuôi cấy nấm men <i>Candida utilis</i>	4		Khoa học & Công nghệ - Tạp chí Công thương, 0866-7756			41, 25-28	4/2020
15	Submerged fermentation of <i>Trametes versicolor</i> BRG04 (yunzhi mushroom) for PSK production	3	x	Proceedings the 14th asian biohydrogen biorefinery and bioprocess symposium –			116-210	11/2019

				abbs 2019 Innovation and Technology Towards a Sustainable Bioeconomy, 978-604-95-0863- 9				
16	Beta-carotene production using <i>Rhodotorula mucilaginosa</i> on sugarcane molasses	3	x	Proceedings the 14th asian biohydrogen biorefinery and bioprocess symposium – abbs 2019 Innovation and Technology Towards a Sustainable Bioeconomy, 978-604-95-0863- 9			238-241	11/2019
17	Newly isolated oleaginous yeasts and their intracellular lipid accumulation ability	3		Proceedings the 14th asian biohydrogen biorefinery and bioprocess symposium – abbs 2019 Innovation and Technology Towards a Sustainable Bioeconomy, 978-604-95-0863- 9			178-182	11/2019
18	Screening of oleaginous yeast from Vietnamese environment	5		Proceedings the 14th asian biohydrogen biorefinery and bioprocess symposium – abbs 2019 Innovation and Technology Towards a Sustainable Bioeconomy, 978-604-95-0863- 9			195-198	11/2019

19	Direct Glucose Recovery from Cassava bagasse using Granular Starch-Hydrolyzing Enzyme	3	x	Tạp chí khoa học công nghệ các trường đại học, 2354-1083			134, 59-63	6/2019
20	Efficient starch recovery from cassava bagasse: role of cellulase and pectinase	3	x	Vietnam Journal of Science and Technology, 2525-2518			57, 401-409	2019
21	Prospects for food fermentation in South-East Asia, topics from the Tropical Fermentation and Biotechnology Network at the end of the AsiFood Erasmus+ project	35		Frontiers in Microbiology, 1664-302x	ISI, Q1, IF 6,064 (2021)	3	9, 2278	2018
22	Effect of cellulase treatment on nano-fibril cellulose production from paper pulp	4	x	Hội nghị Công nghệ Sinh học toàn quốc 2018, 978-604-913-759-4			397-402	2018
23	Potential value-added production from cassava bagasse: glucose and nanocrystalline cellulose	3	x	Hội nghị Công nghệ Sinh học toàn quốc 2018, 978-604-913-759-4			389-396	2018
24	Application of vacuum to improve efficiency of non-cook process at very high gravity for ethanol production	4		Hội nghị Công nghệ Sinh học toàn quốc 2018, 978-604-913-759-4			417-422	2018
25	Using in-situ viscosimetry and morphogranulometry to explore hydrolysis mechanisms of filter paper and pretreated sugarcane bagasse under semi-dilute suspensions	9		Biochemical Engineering Journal, 1369-703X	ISI, Q2, IF 4.446	7	127, 9-20	2017
26	In-situ viscometry during hydrolysis of lignocellulosic materials by single and cocktail enzymatic activities: from material impact to viscosity overshoot	9		16ème Congrès de la Société Française de Génie des Procédés, 1775-335X/978-2-910239-85-5			665-666	2017
27	Immobilization of b-galactosidases from <i>Lactobacillus</i> on Chitin	9		Journal of Agricultural and Food Chemistry, 0021-8561	ISI, Q1, IF 5.896 (2021)	21	65, 2965-2976	2017

	using a chitin-binding module.							
28	Comparison between separate and simultaneous hydrolysis and ethanol fermentation of formic fractionated sugarcane bagasse.	3	x	Tạp chí khoa học và Công nghệ,			54(1A), 222-230	7/2016
28	Hydrolysis ability of the formic acid-fractionated bagasse and attempt to increase the glucose concentration in the hydrolysis for feasible cellulose ethanol production.	3		Tạp chí Khoa học và Công nghệ các trường đại học kỹ thuật, 2354-1083			111, 29-36	2016
30	Ảnh hưởng của quá trình rửa kiềm tới khả năng thủy phân cellulose bã mía phân đoạn bằng axit formic	3		Tạp chí Công nghệ Sinh học, 1811-4989			3(2), 345-353	2015
31	Thu nhận xellulozo từ bã mía cho sản xuất etanol sinh học theo phương pháp xử lý với axit axetic	4		Tạp chí hoá học, 0866-7144			53, 1, 50-56	2015
32	Screening of cellulolytic fungi for rubber wood hydrolysis	3		Tạp chí Khoa học và Công nghệ các trường đại học kỹ thuật, 2354-1083			105A, 15-18	2015
33	Lên men fed-batch sinh tổng hợp nattokinase của chủng <i>Bacillus subtilis</i> từ khô đậu tương	4		Tạp chí khoa học và Công nghệ, 0866-708x			52, 5C, 147-153	2014
34	Nghiên cứu khả năng khử màu thuốc nhuộm của laccase từ bã thải nấm mục trắng <i>Pleurotus florida</i>	4		Tạp chí khoa học và Công nghệ, 0866-708x			Tập 51 , 3B, 240-246	2013
35	Nâng cao khả năng sinh tổng hợp nattokinase của chủng <i>Bacillus subtilis</i> D bằng phương pháp lên men fed-batch	5		Tạp chí khoa học & công nghệ các trường đại học kỹ thuật. 0868-3980			92, 147-151	2013
36	Khảo sát ảnh hưởng của các yếu tố đến khả năng phân đoạn glucan từ bã mía nhờ axit formic	4	x	Hội nghị công nghệ sinh học toàn quốc 2013			545-549	2013
37	Improvement of <i>A. fumigates</i> R22-20 endo-	5		The 5 th rcbiotech regional conference on				2013

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	glucanase production by UV mutagenesis			Biotechnonoly, 978-602-17950-0-2				
38	Comparison of thermo-chemical pretreatments for bio-ethanol production from rubber wood	5		The 5 th rcbiotech regional conference on Biotechnonoly, 978-602-17950-0-2				2013
39	Thermostable fungal endo-glucanase from R22-20 for cellulose intercleavage	5		The 5 th regional conference on New and Renewable energy – RCNRE 2012; 978-604-911-121-1				2012

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 2 (số thứ tự 8, 10)

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	Giải pháp hữu ích: Quy trình sản xuất polysaccharopeptide từ nấm Vân chi. Mã số 3111	Cục sở hữu trí tuệ	15/02/2023	Tác giả chính	2
2	Giải pháp hữu ích: Quy trình sản xuất đường glucose từ tinh bột dư trong bã sắn. Mã số 2770	Cục sở hữu trí tuệ	23/11/2021	Tác giả chính	2

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau TS: 02 giải pháp hữu ích

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

.....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế
cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho
việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

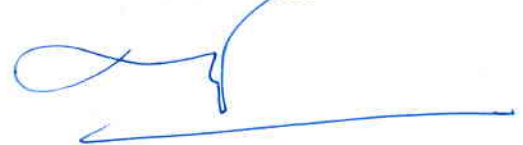
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà nội, ngày 24 tháng 06 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Phạm Tuấn Anh